

# Khảo sát Môi trường kinh doanh của Việt Nam theo các bảng xếp hạng trên thế giới

*Nguyễn Minh Thảo & Nguyễn Quốc Việt*

## **Hội thảo:**

Môi trường đầu tư hướng tới phát triển bền vững tại Việt nam

Hà nội, 4/11/2013

# Các báo cáo xếp hạng

- Báo cáo NLCT toàn cầu (GCR) của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF)
- Báo cáo MTKD (Doing Business) của NHTG
- Báo cáo xếp hạng MTKD (Best Countries for Business) của tạp chí Forbes
- Chỉ số Tự do kinh tế (Index of Economic Freedom - IEF) của tổ chức Heritage Foundation and Wall Street Journal
- Chỉ số quản trị toàn cầu (Worldwide Governance Indicators - WGI) của NHTG
- Chỉ số Cảm nhận tham nhũng (Corruption Perceptions Index) của Tổ chức minh bạch quốc tế (Transparency International)

# Báo cáo NLCT toàn cầu (WEF)

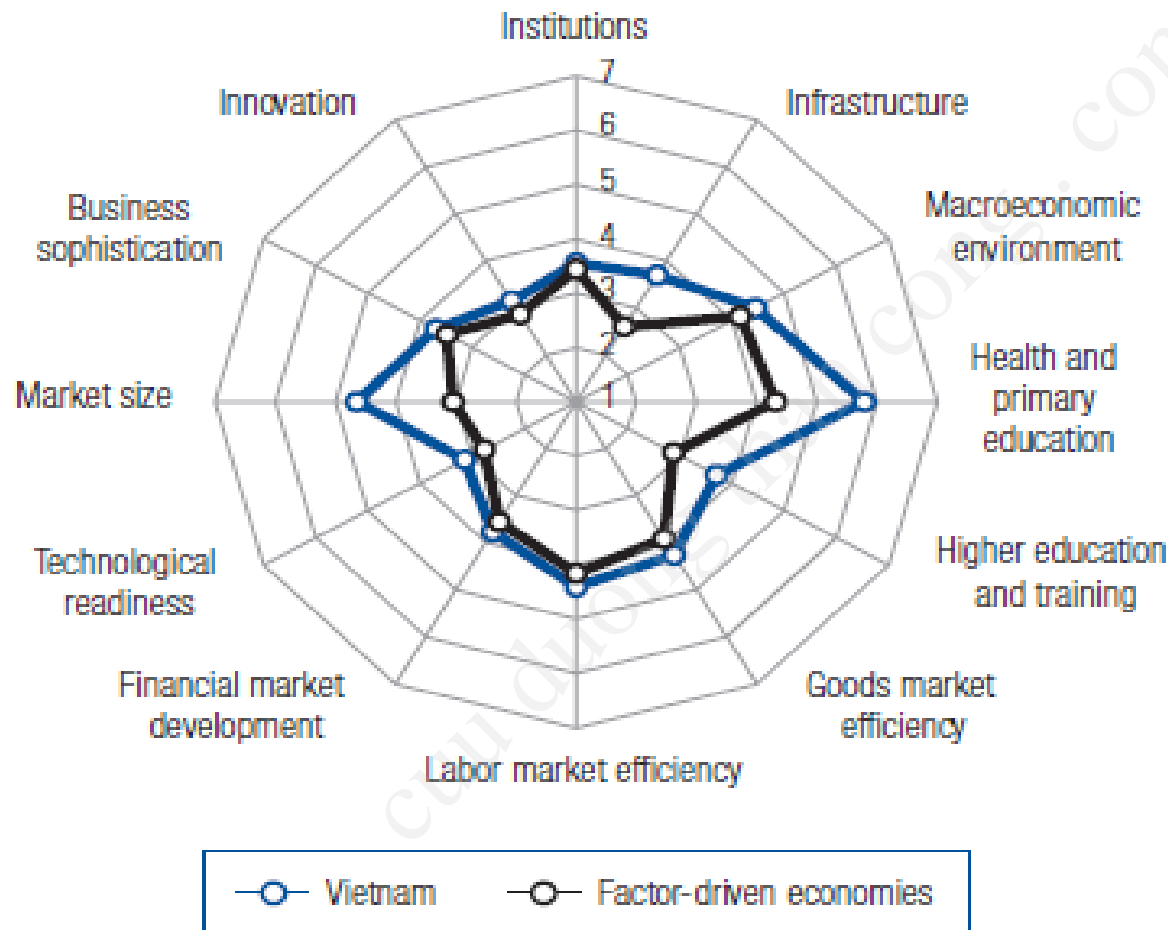
- 12 chỉ số (trụ cột) xếp thành 3 nhóm:
  - Nhóm chỉ số về các yêu cầu cơ bản
  - Nhóm chỉ số nâng cao hiệu quả
  - Nhóm chỉ số về đổi mới và các nhân tố về sự tinh vi
- Việt Nam thuộc nhóm nước giai đoạn 1 (factor-driven economies)

	<i>Giai đoạn 1</i>	<i>Quá độ từ giai đoạn 1 sang giai đoạn 2</i>	<i>Giai đoạn 2</i>	<i>Quá độ từ giai đoạn 2 sang giai đoạn 3</i>	<i>Giai đoạn 3</i>
GDP bình quân đầu người (USD) (*)	<2000	2000-2999	3000-8999	9000-17000	>17000
Trọng số đối với Nhóm chỉ số về các yêu cầu cơ bản	60%	40-60%	40%	20-40%	20%
Trọng số đối với Nhóm chỉ số nâng cao hiệu quả	35%	35-50%	50%	50%	50%
Trọng số đối với Nhóm chỉ số về đổi mới và các nhân tố về sự tinh vi	5%	5-10%	10%	10-30%	30%

# NLCT của Việt Nam theo WEF

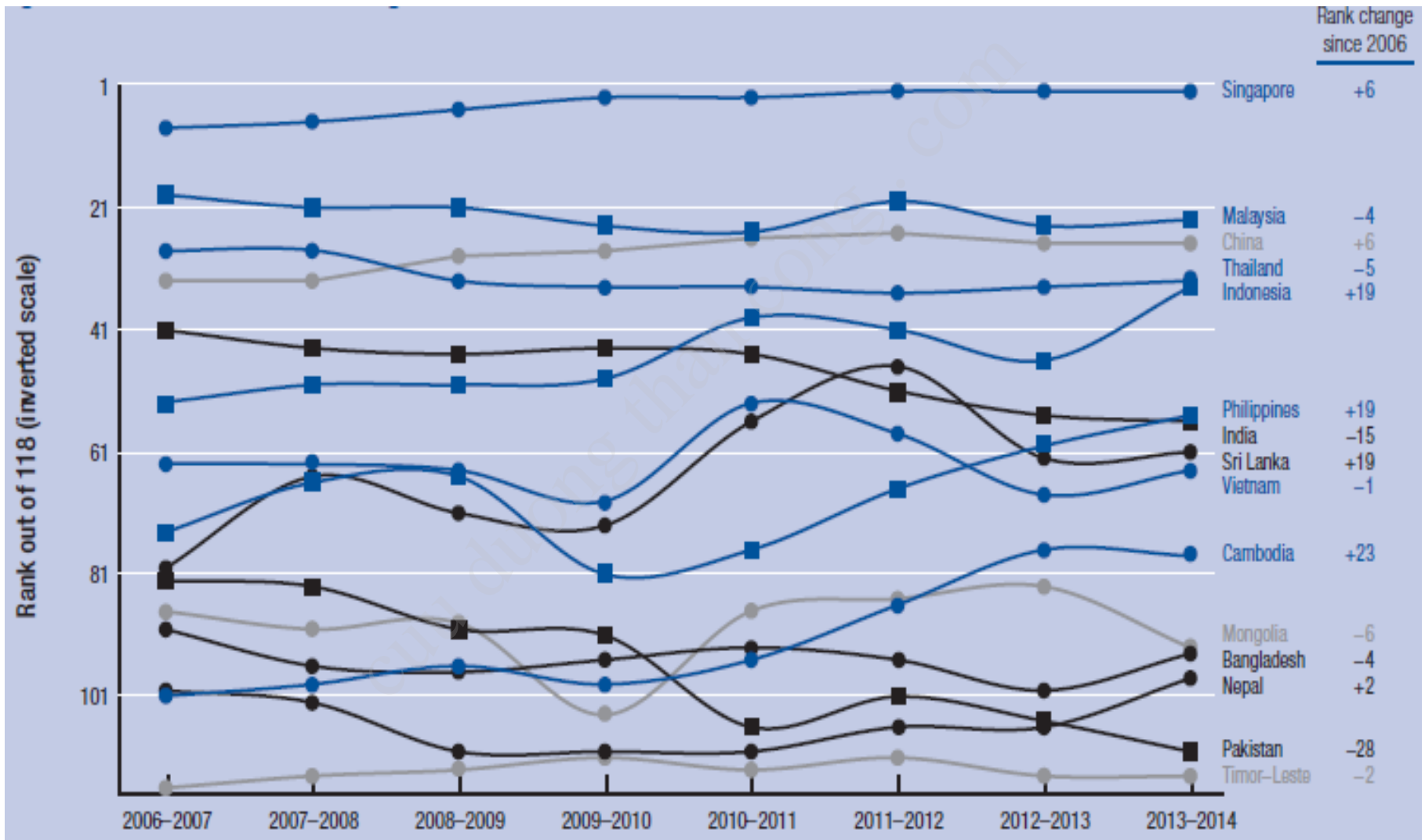
	2009-2010		2010-2011		2011-2012		2012-2013		2013-2014	
	133 quốc gia		139 quốc gia		142 quốc gia		144 quốc gia		148 quốc gia	
	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng
GCI	4.03	75	4.27	59	4.24	65	4.11	75	4.18	70
<b>A. Nhóm chỉ số về các yêu cầu cơ bản</b>	<b>4.02</b>	<b>92</b>	<b>4.39</b>	<b>74</b>	<b>4.41</b>	<b>76</b>	<b>4.22</b>	<b>91</b>	<b>4.36</b>	<b>86</b>
1. Thể chế	3.93	63	3.8	71	3.63	70	3.61	71	3.54	98
2. Cơ sở hạ tầng	3	94	3.56	83	3.59	90	3.34	95	3.69	82
3. Môi trường kinh tế vĩ mô	3.86	112	4.47	85	4.78	65	4.16	106	4.44	87
4. Y tế và giáo dục tiểu học	5.28	76	5.74	65	5.66	73	5.77	64	5.78	67
<b>B. Nhóm chỉ số nâng cao hiệu quả</b>	<b>4.08</b>	<b>61</b>	<b>4.16</b>	<b>57</b>	<b>4.05</b>	<b>66</b>	<b>4.02</b>	<b>71</b>	<b>3.98</b>	<b>74</b>
5. Đào tạo và giáo dục	3.54	92	3.64	93	3.47	103	3.69	96	3.69	95
6. Hiệu quả của thị trường hàng hoá	4.2	67	4.21	60	4.16	75	4.13	91	4.25	74
7. Hiệu quả của thị trường lao động	4.7	38	4.76	30	4.6	46	4.51	51	4.40	56
8. Sự phát triển của thị trường tài chính	4.05	82	4.21	65	4	73	3.85	88	3.76	93
9. Mức độ sẵn sàng về công nghệ	3.45	73	3.58	65	3.51	79	3.33	98	3.14	102
10. Quy mô thị trường	4.55	38	4.56	35	4.59	33	4.63	32	4.64	36
<b>C. Nhóm chỉ số về đổi mới và các nhân tố về sự tinh vi</b>	<b>3.72</b>	<b>55</b>	<b>3.69</b>	<b>53</b>	<b>3.44</b>	<b>75</b>	<b>3.32</b>	<b>90</b>	<b>3.41</b>	<b>85</b>
11. Sự tinh vi trong kinh doanh	4	70	3.98	64	3.72	87	3.57	100	3.68	98
12. Đổi mới công nghệ	3.45	44	3.4	49	3.16	66	3.07	81	3.14	76

# Điểm xếp hạng của Việt Nam trong Báo cáo NLCT toàn cầu 2013-2014

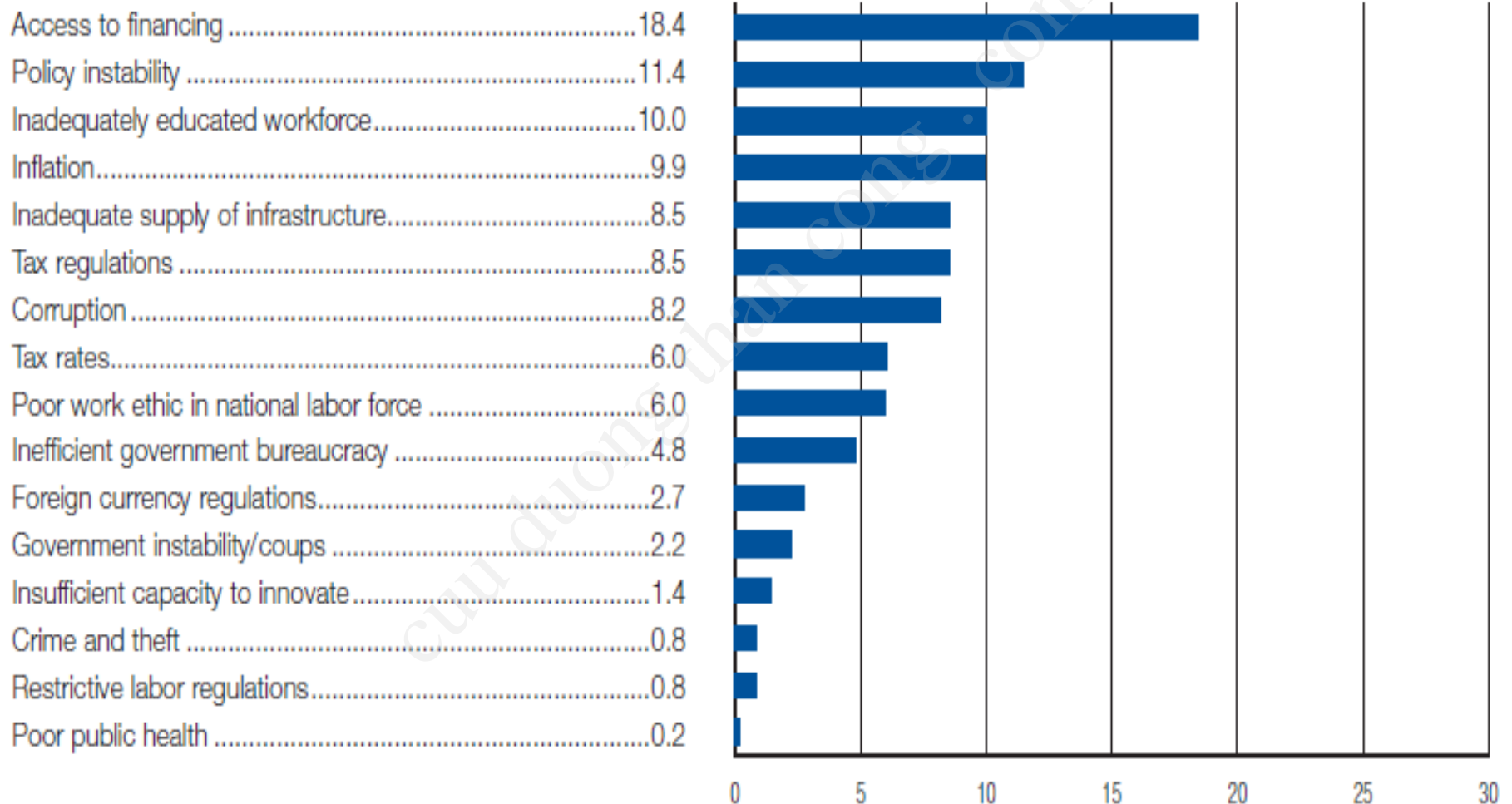


- Xếp hạng của VN năm 2013 tăng 5 bậc chủ yếu nhờ cải thiện về môi trường KTVM, hạ tầng, hiệu quả thị trường hàng hóa

# Xếp hạng NLCT toàn cầu của Việt Nam và một số nước châu Á



# Khó khăn đối với doanh nghiệp ở Việt Nam (GCR 2013-2014)



# Báo cáo MTKD (Doing Business) của NHTG

- Thực hiện từ 2003
- Xếp hạng tổng thể về mức độ thuận lợi của môi trường kinh doanh theo 10 bộ chỉ số (trong 11 bộ chỉ số được phân tích) và 183 nền kinh tế



# MTKD của Việt Nam theo Doing Business

Chỉ số	DB2009	DB2010	DB2011	DB2012	DB2013
Xếp hạng tổng thể	92/181	93/183	90/183	98/183	99/185
1. Thành lập doanh nghiệp	108	116	100 ✓	103	108 ✓
2. Giải quyết thủ tục cấp GP/Cấp phép xây dựng	67	69	70 ✓	67	28 ✓
3. Đăng ký quyền sở hữu tài sản	37	40	43	47	48
4. Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư	170	172	172	166 ✓	169
5. Tuyển và sa thải lao động/ Tuyển lao động	90	103			
6. Tiếp cận tín dụng	43 ✓	30	21 ✓	24	40
7. Nộp thuế	140	147 ✓	129	151	138 ✓
8. Giao dịch TM qua biên giới	67	74 ✓	65	68	74
9. Tiếp cận điện				135	155
10. Thực hiện hợp đồng	42	32	31	30	44
11. Giải thể doanh nghiệp	124	127	130	142	149

# Báo cáo xếp hạng MTKD (Best Countries for Business) của tạp chí Forbes

Xếp hạng từ 2006

11 chỉ số

Xếp hạng 139 nền kinh tế (BCB2012)

- (1) Tự do thương mại
- (2) Tự do tiền tệ
- (3) Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ
- (4) Năng lực sáng tạo
- (5) Trình độ công nghệ
- (6) Tình trạng quan liêu
- (7) Mức độ bảo vệ nhà đầu tư
- (8) Tình trạng tham nhũng
- (9) Tự do cá nhân
- (10) Hiệu quả thị trường
- (11) Gánh nặng thuế

# Xếp hạng của Việt Nam trong Bảng xếp hạng môi trường kinh doanh của Forbes

Báo cáo Môi trường kinh doanh của Forbes	Xếp hạng của Việt Nam
BCB2007	136/144
BCB2008	113/121
BCB2009	113/127
BCB2010	118/128
BCB2011	97/134
BCB2012	109/139

# Chỉ số Tự do kinh tế (Index of Economic Freedom - IEF) của tổ chức Heritage Foundation and Wall Street Journal

- Từ năm 1995
- Chủ yếu dựa vào chính sách và môi trường vĩ mô để đánh giá mức độ can thiệp của chính phủ vào các hoạt động của doanh nghiệp
- 10 yếu tố (chỉ số) và xếp theo 4 nhóm (4 trụ cột)

# Xếp hạng của Việt Nam theo chỉ số Tự do kinh tế (IEF)

Các chỉ số	IEF2008	IEF2009	IEF2010	IEF2011	IEF2012
<b>Xếp hạng tổng thể</b>	<b>135/157</b>	<b>145/179</b>	<b>144/183</b>	<b>139/183</b>	<b>136/184</b>
<b>Điểm xếp hạng chung</b>	<b>50.4</b>	<b>51</b>	<b>49.8</b>	<b>51.6</b>	<b>51.3</b>
1. Tự do kinh doanh	60.4	61.7	60.7	61.9	61.1
2. Tự do thương mại	62.8	63.4	68.9	68.9	79.6
3. Tự do tài khóa	74.3	74.3	76.1	75.9	76.5
4. Chi tiêu chính phủ	78	77.3	73.4	75.1	66.5
5. Tự do tiền tệ	67.4	67	58.1	79.1	75.1
6. Tự do đầu tư	30	30	20	15	15
7. Tự do tài chính	30	30	30	30	30
8. Quyền sở hữu	10	10	15	15	15
9. Tự do không bị tham nhũng	26	26	27	27	27
10. Tự do lao động	65.2	70	68.4	68.2	67.3

# Chỉ số quản trị toàn cầu (Worldwide Governance Indicators - WGI) của NHTG

- 6 chỉ số
- Xếp hạng 215 nền kinh tế
- Thang điểm từ -2.5 (kém) đến 2.5 (tốt).
- Thứ hạng quản trị được xếp theo 6 nhóm:
  - (1) Nhóm 0-10: Quản trị kém nhất
  - (2) Nhóm 10-25; (3) Nhóm 25-50; (4) Nhóm 50-75; (5) Nhóm 75-90 và
  - (6) Nhóm 90-100: quản trị quốc gia mẫu mực

# Điểm số của Việt Nam theo Chỉ số quản trị toàn cầu

	Tiếng nói và trách nhiệm giải trình		Ổn định chính trị và không có bạo lực		Hiệu quả hoạt động của chính phủ		Chất lượng của luật pháp		Tuân thủ pháp luật		Kiểm soát tham nhũng	
	Nhóm xếp hạng	Điểm xếp hạng	Nhóm xếp hạng	Điểm xếp hạng	Nhóm xếp hạng	Điểm xếp hạng	Nhóm xếp hạng	Điểm xếp hạng	Nhóm xếp hạng	Điểm xếp hạng	Nhóm xếp hạng	Điểm xếp hạng
2011	8.5	-1.48	52.8	0.17	45	-0.28	29.4	-0.61	38.5	-0.48	29.9	-0.63
2010	7.6	-1.47	51.9	0.12	44	-0.31	29.2	-0.6	37	-0.5	32.5	-0.59
2009	8.1	-1.45	53.6	0.26	45.5	-0.29	29.7	-0.61	41.2	-0.45	39.2	-0.44
2008	8.2	-1.49	49.8	0.16	48.1	-0.17	31.6	-0.58	40.4	-0.42	28.2	-0.68
2007	8.2	-1.52	52.9	0.25	49.5	-0.19	31.6	-0.5	41.6	-0.45	34	-0.58
2006	7.7	-1.54	59.1	0.4	49.8	-0.17	30.9	-0.56	41.1	-0.46	24.9	-0.74
2005	8.7	-1.42	61.1	0.45	48.8	-0.2	28.4	-0.57	45.9	-0.24	24.9	-0.76
2004	8.7	-1.37	50.5	0.13	41	-0.44	30.4	-0.54	37.8	-0.48	24.4	-0.75

# Chỉ số Cảm nhận tham nhũng (Corruption Perceptions Index) của Tổ chức minh bạch quốc tế (Transparency International)

- Giới thiệu từ 1995
- GPI 2012 xếp hạng 174 nền kinh tế



# Xếp hạng của Việt Nam theo Chỉ số Cảm nhận tham nhũng

	Xếp hạng
2012	123/174
2011	112/183
2010	116/178
2009	120/180
2008	121/180

**Xin cảm ơn!**